

Số: **1818**/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **10** tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3152/QĐ-BTP ngày 31/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1471/TTr-STP ngày 05/11/2025

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục I kèm theo).

Điều 2. Bãi bỏ 13 thủ tục hành chính lĩnh vực chứng thực gồm: 03 thủ tục hành chính dùng chung (số 01, 02, 03 mục I); 10 thủ tục hành chính cấp xã (số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10 mục II), tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 29/06/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục II kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp; cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, tích hợp, kiểm thử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính cho phép nộp trực tuyến được công bố tại Quyết định này trên Cổng dịch vụ công quốc gia trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi dịch vụ công trực tuyến được hiển thị công khai theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023.

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước ngày 12/11/2025.

3. Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm công khai thủ tục hành chính theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, nơi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính và triển khai thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định này, Quyết định số 3152/QĐ-BTP ngày 31/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Th*

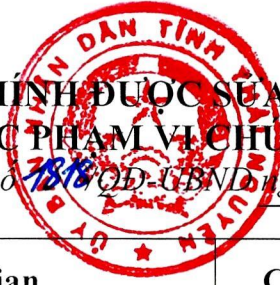
Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, HCC. *Th*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Loan



PHỤ LỤC I

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CHỨNG THỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHUNG (5)						
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Thời hạn được tính từ ngày cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ trực tiếp, theo dấu bưu điện đến hoặc theo thời điểm hệ thống dịch vụ công ghi nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử đến cơ quan, tổ chức lưu sổ gốc.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên	Phí / Lệ Phí: Không	+ Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
						chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính	Nộp hồ sơ trực tiếp.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên.	Phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không	+ Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
	ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		- Tổ chức hành nghề công chứng.	quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính;	chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
						<p>BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; + Thông tư số 264/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; + Thông tư số 257/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng;</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
						phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.	
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên. - Tổ chức hành nghề công chứng.	Phí: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	+ Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
						<p>chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; + Thông tư số 264/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
						ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; + Thông tư số 257/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.	
4	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận	Nộp hồ sơ trực tiếp.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ	Phí: 10.000 đồng/trường hợp.	+ Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
	cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên. - Tổ chức hành nghề công chứng.		về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
						chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	
5	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên. - Tổ chức hành nghề công chứng.	- Phí: 10.000 đồng/trường hợp.	+ Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
						<p>thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p>	
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (7)						
1	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung	Phí: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	+ Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
	sử dụng đất, nhà ở	Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	trên môi trường điện tử.	tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên.		23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
						chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	
2	Chứng thực di chúc	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên.	Phí: 50.000 đồng/di chúc	+ Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
						bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	
3	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung	Phí: 50.000 đồng/văn bản	+ Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	trên môi trường điện tử.	tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên.		23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	
4	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch		Phí: 50.000	+ Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
	động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên.	đồng/văn bản	một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
						bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	
5	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên.	Phí: 30.000 đồng/giao dịch	+ Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP;	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
						<p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
6	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên.	Phí: 25.000 đồng/giao dịch	+ Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
						của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	
7	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên.	Phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tôi đã thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí	+ Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí / Lệ Phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
					<p>được tính theo trang của bản chính.</p>	<p>định số 07/2025/NĐ-CP; + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p>	

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP THÁI NGUYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ
Thủ tục hành chính dùng chung (3)		
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 29/06/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	
Thủ tục hành chính cấp xã (7)		
1	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 29/06/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.
2	Chứng thực di chúc	
3	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
4	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
5	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
6	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
7	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
8	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ
9	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	
10	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	